

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2024/DS-PT

Ngày 27 - 8 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLPT-DS ngày 31/5/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Văn Mộng H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, Nguyễn Công B, Khu phố D, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Mộng H:* Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985 (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:* Luật sư Võ Thanh V – Công ty L1 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Minh C1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Minh C1:*
Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn:* Luật sư Nguyễn Vũ Đ – Văn phòng L2 – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, *Nguyên đơn ông Văn Mộng H có người đại diện theo ủy quyền - anh Nguyễn Quốc C trình bày:*

Ông H và ông L, bà C1 là chỗ quen biết, năm 2023 do vợ chồng ông L, bà C1 cần một số tiền để làm ăn, kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình nên vào ngày 14/01/2023, vợ chồng ông L, bà C1 có vay của ông H số tiền là 1.000.000.000 đồng và ông L có ký và lấn tay vào giấy mượn tiền ngày 14/01/2023. Hẹn đến ngày 14/02/2023 sẽ trả lại toàn bộ số tiền.

Đến ngày hẹn trả nợ thì vợ chồng ông L, bà C1 không thực hiện việc trả nợ. Ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L, bà C1 trả số tiền nợ nêu trên nhưng ông L, bà C1 vẫn không thực hiện trả tiền, cố tình trốn tránh, không có thiện chí trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông H, cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản của ông H.

Đối với biên nhận đề ngày 05/7/2022 do ông Nguyễn Văn L nộp thì ông Văn Mộng H thừa nhận là biên nhận nợ này do ông H viết và ký tên. Nội dung biên nhận nợ này là đúng, trước đây ông H có cho ông L mượn số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 05/7/2022 nên ông H viết biên nhận này, viết 01 bản và sau 07 ngày ông Nguyễn Văn L đã trả số tiền 50.000.000 đồng này cho ông H nên đã tất toán xong việc vay tiền đối với biên nhận này. Còn việc vay mượn số tiền 1.000.000.000 đồng là giao dịch sau này giữa ông H và ông L. Vậy nên hai giao dịch vay tiền này là hoàn toàn riêng biệt. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông L trả số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Đầu tháng 6/2022 (âm lịch) ông có đến nhà ông H hỏi mượn số tiền 100 triệu đồng để có tiền đồ thức ăn cho cá, ông H nêu vấn đề cho vay 100 triệu đồng với lãi suất là 5 triệu đồng/tháng nên ông về nhà suy nghĩ. Ngày hôm sau ông đến vay tiền và yêu cầu vay số tiền 50 triệu đồng thì ông H đồng ý và nói rằng do không có tài sản thế chấp để làm tin nên chỉ đồng ý cho vay nóng đối số tiền 50 triệu đồng và yêu cầu lãi suất là 01 triệu đồng/ngày, tôi đồng ý với việc thỏa thuận lãi trên và vay số tiền 50 triệu đồng. Khi vay thì có viết số tiền vay vào cuốn sổ của ông H do ông Hoàng g (29/6/2022), ông có ký tên, viết tên và lấn tay vào trong sổ, không có làm biên nhận. Ông trả lãi mỗi lần là 01 tuần hoặc 10 ngày thì đem tiền lãi ra đưa cho ông H trực tiếp nhưng không có làm biên nhận trả lãi, ông trả lãi được 03 tháng thì không còn khả năng trả nữa nên ngưng trả.

Ngày 15/12/2022 (âm lịch) ông H có yêu cầu ông ra gặp mặt thì ông có đến gặp ông H, ông H thông báo với ông số tiền nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 500 triệu đồng, yêu cầu ông ký vào cuốn sổ nợ do ông Hoàng g, ông H có gây áp lực, đe dọa ông phải ký vào cuốn sổ nợ, do lo sợ nên ông có ghi theo lời ông H là “*Tôi Nguyễn Văn L có mượn anh H 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) có ghi ngày nhưng không nhớ rõ*” vào sổ của ông H, có ký tên, viết tên và lấn tay.

Cuối tháng 12/2022 âm lịch thì ông có cầm 40 triệu đồng tiền lãi đến đưa trực tiếp cho ông H nhưng không có làm biên nhận.

Ngày 28/01/2023 âm lịch, ông có cầm 50 triệu đồng đến gặp ông H để trả lãi nhưng không có làm biên nhận.

Ngày 06/02/2023 âm lịch, ông có đem 10 triệu đồng đến gặp ông H để trả lãi. Khi gặp mặt ông H thì ông H cho rằng ông phải trả số tiền lãi nhiều hơn nhưng do ông không còn tiền để đưa cho ông H thì ông H có điện thoại cho những người lạ mặt (đàn em ông H) đến đánh ông và do bị đánh nên ông bất tỉnh. Sau đó, ông tỉnh lại và ra về, ông không có báo chính quyền về việc bị đánh nhưng ông có đến bác sĩ để thăm khám và lấy thuốc. Ba ngày sau, ông H cho đàn em đến nhà ông và đe dọa, do ông lo sợ nên 07 ngày sau ông có đến báo Công an Hình sự thị xã C, có đưa đơn và đã được tiếp nhận đơn. Công an có yêu cầu ông đến Bệnh viện Đ1 để giám định thương tích rồi nộp kết quả cho Công an.

Ngày 16/02/2023 âm lịch, ông H có sai đàn em đến nhà ông và đưa bản photo giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 này cho người nhà và yêu cầu ông trả nợ, ông không có ở nhà vào ngày hôm đó. Chị Nguyễn Thị Kim N (con ruột ông) có trao đổi qua điện thoại với ông H và ông H vẫn yêu cầu trả số tiền 01 tỷ đồng. Từ thời gian đó đến nay, ông không có trả thêm số tiền nào nữa cho ông H.

Đối với giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 mà ông H giao nộp cho Tòa án thì ông xác định: Nội dung giấy mượn tiền, ông không biết. Đối với chữ ký tên và viết tên tại phần người mượn tiền thì không phải của ông. Đối với dấu lấn tay dưới chữ viết tên thì ông không biết do đâu mà có, có thể lúc ông bị đánh bất tỉnh vào ngày 06/02/2023 âm lịch thì ông H có thể lấy dấu tay của ông lấn vào giấy mượn tiền này, ông không thể xác định dấu lấn tay này có phải của ông hay không.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2023, ông có trình bày là: “Đối với giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 mà ông H giao nộp cho Tòa án thì tôi xác định: Nội dung giấy mượn tiền thì tôi không biết. Đối với chữ ký tên và viết tên tại phần người mượn tiền thì không phải của tôi. Đối với dấu lấn tay dưới chữ viết tên thì tôi không biết do đâu mà có, có thể lúc tôi bị đánh bất tỉnh vào ngày 06/02/2023 âm lịch thì ông H có thể lấy dấu tay của tôi lấn vào giấy mượn tiền này, tôi không thể xác định dấu lấn tay này có phải của tôi hay không.”, ông xác định lại rằng: Chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông, do ông ký tên nhưng ông ký tên trong tình trạng bị ép buộc, đe dọa, hoảng loạn về tinh thần do bị đánh vào ngày 06/02/2023 âm lịch.

Ông có tố cáo lên Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã C về việc ông Văn

Mộng H cưỡng đoạt tài sản của ông và ép ông ký tên vào giấy nợ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiếp nhận, giải quyết đơn tố cáo của ông vào ngày 15/02/2023 âm lịch. Cách 03 tuần, Cơ quan Cảnh sát điều tra có tiến hành làm việc, khám xét tại nhà ông H và có mời ông đến tham gia, dựng lại hiện trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thông báo kết quả đơn tố cáo của ông cho ông biết, đề nghị Tòa án liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền do ông không thể tiếp cận thông tin.

Ông có nộp biên nhận đề ngày 05/7/2022 (bản photo) để chứng minh cho việc ông chỉ có vay ông H số tiền 50.000.000 đồng. Biên nhận này do ông Văn Mộng H viết nội dung và ký tên, ghi tên H vào ngày 05/7/2023, biên nhận được lập tại nhà ông H. Bản chính biên nhận này ông đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã C.

Ông khẳng định ông và ông H chỉ có vay mượn số tiền 50.000.000 đồng, từ khi mượn đến nay ông đã trả lãi cho ông H số tiền khoảng 200.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông không đồng ý, ông đồng ý trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng cho ông H và xin không trả tiền lãi do ông đã trả tiền lãi quá nhiều cho ông H.

Việc vay mượn tiền giữa ông và ông H thì vợ con ông không hề biết, vợ ông là bà Nguyễn Minh C1 không biết việc ông vay tiền ông H, gia đình ông không có sử dụng số tiền 50.000.000 đồng vào việc sinh hoạt gia đình, ông dùng số tiền vay này vào việc đồ thức ăn cho cá.

** Bị đơn bà Nguyễn Minh C1 có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bà C1 không biết việc vay mượn tiền giữa ông H và ông L, đến khi ông L bị đánh, ông L mới kể lại việc vay tiền của ông H cho bà C1 biết việc vay mượn tiền. Bà C1 khẳng định không có sử dụng số tiền 50 triệu đồng do ông L mượn. Bà C1 không biết việc vay mượn tiền giữa ông L và ông H. Bà C1 không có sử dụng số tiền vay mượn nào từ ông H.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 12/4/202 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 25 và 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Văn Mộng H.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Văn Mộng H số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn Mộng Hoàng buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C2 trả cho ông H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Văn Mộng H có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1 chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu khanh có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Văn Mộng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông Văn Mộng H số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018437 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1 phải nộp 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 25/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Mộng H, ông L đồng ý trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

* Ngày 25/4/2024 bà Nguyễn Minh C1 có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Mộng H; bà C1 đồng ý liên đới trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Nguyễn Văn L và đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Minh C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Anh Nguyễn Quốc C – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Mộng H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông L và bà C1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông H khai, ngày 14/01/2023 ông H giao cho ông L 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 1.000.000.000 đồng, ông L nhận tiền và ký tên, lấn tay vào Giấy mượn tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông H khai giao cho ông L 1.000.000.000 đồng với nhiều mệnh giá khác nhau như 200.000 đồng và 500.000 đồng cho thấy có sự mâu thuẫn giữa việc giao nhận tiền. Tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn cho rằng ông L vay tiền để bù lỗ cho việc nuôi cá và làm vốn để thả cá mới nhưng trên thực tế ông L chưa thu cá thì không thể lỗ được. Ngoài ra, diện tích nuôi cá của ông L là không lớn (chỉ trong phạm vi 50.000.000 đồng là đủ đầu tư) nên không cần đến số tiền 1.000.000.000 đồng như ông H trình bày. Ông L thừa nhận có vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng/tháng để mua thức ăn cho cá là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, ông H cho rằng, thực tế số tiền 1.000.000.000 đồng ông H đưa cho ông L là để thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất (ông H đưa ông L 1.000.000.000 đồng để chuộc giấy đất ra chuyển nhượng cho ông H) là không đúng, do ông L không có đứng tên quyền sử dụng đất nào như ông H

trình bày. Có nhiều mâu thuẫn trong việc giao nhận tiền giữa ông H và ông L như thời gian, mục đích và mệnh giá tiền. Ngoài ra, ông L khai, Giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 do ông L bị đàn em của ông H đe dọa nên mới viết và lặn tay vì sợ bị đánh. Sau đó, ông L có tố cáo hành vi của ông H đến Công an thị xã C giải quyết. Mặc dù kết luận không có căn cứ khởi tố nhưng trong nội dung tố cáo, ông L trình bày rất rõ là xuất phát từ việc ông L vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng/tháng, vốn cộng lãi nhiều tháng lên đến số tiền 500.000.000 đồng, ông H ép buộc ông L ký và lặn tay vào Giấy mượn tiền nhưng đến khi ông H khởi kiện thì ông L mới biết số tiền trong Giấy mượn tiền là 1.000.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá toàn diện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông L tự nguyện trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Về việc Luật sư phía bị đơn cho rằng có mâu thuẫn trong lời khai về mệnh giá tiền khi giao nhận do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nắm nên tại phiên tòa hôm nay ông H đã xác định lại cụ thể là 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 1.000.000. 000 đồng. Về việc mâu thuẫn giữa vay và chuyển nhượng đất, tại phiên tòa ông H cũng xác định ông H yêu cầu lấy lại tài sản là số tiền 800.000.000 đồng (cho ông L 200.000.000 đồng). Ông L thừa nhận, chữ ký và dấu vân tay tại Giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 là của ông L nhưng do ông bị ông H đe dọa nên mới ký và lặn tay, sau đó ông L tố cáo ông H tại Công an thị xã C. Tuy nhiên, sau khi điều tra cũng không chứng minh được hành vi phạm tội của ông H nên ý kiến của phía bị đơn cho rằng ông L bị đe dọa mới ký và lặn tay vào giấy mượn tiền ngày 14/01/2023 là không phù hợp. Tại bản ghi âm cuộc gọi giữa chị N và ông H cũng chưa chứng minh được việc ông L không có mượn ông H số tiền 1.000.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Văn Mộng H xác định số tiền 01 tỉ đồng ông kiện ông L là số tiền ông với Lời thỏa thuận ông L sẽ chuyển nhượng cho ông 07 công đất, do giấy tờ đất ông L đang cầm cho người khác, nên ông đưa trước 01 tỉ đồng để ông L đi chuộc giấy tờ đất về làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông, sau đó ông L không thực hiện mà kêu bán đất cho người khác, nên ông căn cứ vào giấy mượn tiền khởi kiện ông L đòi lại 01 tỉ đã đưa cho ông L. Xét đây là tình tiết mới phát sinh làm thay đổi bản chất của vụ án, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, đảm bảo hai cấp xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại phiên tòa ngày 30/7/2024 và đến ngày 05/8/2024: Chị Nguyễn Thị Kim N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Minh C1 có nộp cung cấp 01 vi bằng và 01 USB với nội dung thể hiện cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị N là con gái của ông L, bà C1 với ông H, trong toàn bộ cuộc nói chuyện thể hiện nội dung liên quan đến số tiền 01 tỷ đồng mà ông H đã khởi kiện ông L, bà C1 và đề nghị cần được làm rõ.

[2.2] Tại phiên tòa ngày 20/8/2024, ông Văn Mộng H xác nhận giọng nói trong cuộc nói chuyện điện thoại là của ông và toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện đã được lập vi bằng gửi cho Tòa án đúng là nội dung của cuộc nói chuyện giữa ông với chị N là con gái của ông L bà C1. Toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện đã thể hiện số tiền 01 tỉ đồng là số tiền chuyển nhượng đất và ông H xác định số tiền 01 tỉ đồng ông kiện tranh chấp với ông L, bà C1 đã được Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết là số tiền mà ông L thỏa thuận sẽ chuyển nhượng cho ông 07 công đất, do ông L n giấy tờ đất ông L đang cầm cho người khác, nên ông đưa trước cho ông L 01 tỉ đồng để ông L đi chuộc giấy tờ đất về sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông, nhưng sau đó ông L không thực hiện mà kêu bán đất cho người khác, nên ông căn cứ vào giấy mượn tiền khởi kiện ông L đòi lại 01 tỉ đã đưa cho ông L.

Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, làm thay đổi bản chất của vụ án, cần phải làm rõ số tiền 01 tỷ đồng hiện đang tranh chấp có đúng là tiền chuyển nhượng đất hay không, thỏa thuận chuyển nhượng đất cụ thể như thế nào, quá trình thực hiện như thế nào, nhưng phát sinh trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của các Luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thị xã C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H1 lại ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Minh C1 số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004822 và 0004823 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 27/8/2024, có mặt: Luật sư V, ông L, chị N.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã C;
 - CCTHADS thị xã C;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung